

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/5/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NAM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Anh Liêm.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Lê Song;

+ Ông Nguyễn Gia Đông.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị S, sinh năm 2001; địa chỉ: thôn C, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Bị đơn: anh Lê Văn Q, sinh năm 2000; địa chỉ: thôn C, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị và anh Lê Văn Q kết hôn vào ngày 04/12/2020, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh Q có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập chị nhiều lần. Chị S và anh Q đã ly thân đến nay khoảng 03 năm. Chị S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị với anh Q có 01 con chung tên Lê Nguyễn N, sinh ngày 31/12/2019. Tại thời điểm chị nộp đơn khởi kiện ngày 19/02/2024, cháu N chưa đủ 18 tuổi nên chị mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị và anh Q tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Q nhưng anh Q không đến Tòa án để làm việc nên không thể tiến hành ghi lời khai, ý kiến của anh Q.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện H:

- Về chấp hành pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, xử cho chị S được ly hôn anh Q; về con chung: giao cháu Lê Nguyễn N cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Lê Văn Q. Anh Q có nơi cư trú tại thôn C, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Do đó, căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Theo biên bản xác minh ngày 22/02/2024 tại Công an xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam thì anh Q có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam nhưng thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Tòa án đã đến nơi cư trú của anh Q để làm việc nhưng không gặp. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và tiến hành hòa giải được nên đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 08/5/2024, anh Q vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa. Đến phiên tòa hôm nay, anh Q vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Lê Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Quảng Nam nên được pháp luật thừa nhận.

Theo biên bản xác minh tại Hội Liên hiệp phụ nữ xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam ngày 06/3/2024 cung cấp: Không rõ vợ chồng anh Q, chị S có mâu thuẫn gì không nhưng có nghe được thông tin là hai vợ chồng đã ly hôn. Anh Q đi làm ăn tại Đà Nẵng dịp lễ tết mới về, còn chị S về nhà bố mẹ ruột để sinh sống.

Theo biên bản xác minh đối với bà Trần Thị H là mẹ ruột của anh Q ngày 29/3/2024 cung cấp: Trong thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến khoảng giữa năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù, được gia đình hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được. Chị S cùng con về nhà bố mẹ ruột tại xã T, huyện X, tỉnh Quảng Nam sinh sống đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Q đến Tòa án để hòa giải nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc. Điều đó thể hiện anh Q không còn mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vợ chồng anh Q và chị S đã sống ly thân được khoảng 03 năm. Các bên không còn quan tâm, yêu thương lẫn nhau.

Từ những lý do trên cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Q, chị S đã rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị S yêu ly hôn với anh Q là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh Q và chị S có 01 con chung tên Lê Nguyễn N, sinh ngày 31/12/2019. Từ giữa năm 2019 đến nay, chị S cùng con chuyển về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Chị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hiện nay, cháu Quỳnh đang có cuộc sống ổn định cùng chị S. Do đó, việc giao con chung cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị S không yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S đối với anh Lê Văn Q về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị S ly hôn anh Lê Văn Q.

[2]. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn N, sinh ngày 31/12/2019 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị S không yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) chị Nguyễn Thị S phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị S đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0011276 ngày 19/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Nam. Chị Nguyễn Thị S đã nộp đủ án phí.

[5]. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/5/2024). Anh Lê Văn Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã D theo GCNKH số 36 ngày 04/12/2020;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Liêm